TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Lam

Bà Lê Thị Linh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông NguyễnVăn U1; Về con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Lý do yêu cầu như trên được bà M1 trình bày như sau: Về điều kiện kết hôn: Bà và ông U1 sau một thời gian tìm hiểu và đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông U1 về chung sống năm 1994, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện V, tỉnh Long An ngày 28/9/2006. Sau khi cưới bà và ông U1 về sinh sống tại ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An. Bà và ông U1 có 02 con chung tên

Nguyễn Thành C1, sinh năm 1996, và Nguyễn Thành D1, sinh năm 1999, đều đã trưởng thành tự chăm sóc bản thân và đi làm có thu nhập. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông U1 thường xuyên rượu chè rồi kiếm chuyện gây gỗ, đánh bà nhiều lần. Bà sống với ông U1 không có hạnh phúc nên từ năm 2018 đến nay bà đã không còn sống chung.

- Về ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai và tại hòa giải ngày 01/4/2022, ông U1 không đồng ý ly hôn với bà M1 vì lý do chờ các con cưới vợ lập gia đình riêng, về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung và nợ chung thì ông thống nhất như bà M1 trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà M1 yêu cầu ly hôn với ông U1 nên xác định đây là vụ án ly hôn; Ông U1 có nơi cư trú tại xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông U1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông U1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà M1 và ông U1 là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 28/9/2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01 nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo quy định pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung ông U1 không tôn trọng bà M1 mà có hành vi đánh đập dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà M1 và ông U1 đã không sống chung từ năm 2018 đến nay và hiện tại bà không còn tình cảm với ông U1. Ông U1 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra lý do chính đáng và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà M1 và ông U1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung tên Nguyễn Thành C1, sinh năm 1996, Nguyễn Thành D1, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà M1 và ông U1 đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về ly hôn của bà M1 là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do bà M1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà M1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M1.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn U1.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị M1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị M1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 11 tháng 3 năm 2022 theo biên lai thu tiền số 0003642 sang tiền án phí.

Báo cho bà Nguyễn Thị M1 biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn U1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu